

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

PHẠM THỊ KIỀU CHINH

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP KẾ
HOẠCH KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY
TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kế Toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng- Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đoàn Thị Ngọc Trai

Phản biện 1: TS. Đường Nguyễn Hưng

Phản biện 2: TS. Phan Thị Minh Lý

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 12 tháng 8 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán là giai đoạn đầu tiên phải thực hiện trong bất kỳ một cuộc kiểm toán nào, là giai đoạn có ý nghĩa định hướng cho các bước công việc kiểm toán tiếp theo và chuẩn bị các điều kiện cho cuộc kiểm toán được tiến hành. Song trên thực tế hoạt động kiểm toán trong thời gian qua cho thấy giữa yêu cầu đòi hỏi và thực tế lập kế hoạch kiểm toán vẫn còn khoảng cách lớn. Vì vậy, việc nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC để tìm ra các vấn đề tồn tại và đề ra hướng khắc phục là một điều cần thiết. Chính vì những lý do trên mà tác giả đã chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam”

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm rõ phần lý luận cơ bản về lập kế hoạch kiểm toán BCTC, tiến hành phân tích thực trạng lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam- chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh để đưa ra giải pháp để góp phần hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm toán tại đơn vị.

3. TỔNG QUAN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Lập kế hoạch kiểm toán BCTC là một trong các bước công việc cần thiết thực hiện trong quá trình kiểm toán của KTV. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC giúp KTV có thể khoanh vùng những rủi ro trọng yếu từ đó giúp tiết kiệm được thời gian kiểm toán nhưng hiệu quả công việc vẫn không ngừng được tăng lên.

Đối với đề tài lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại một số công ty kiểm toán khác, đã có một số tác giả nghiên cứu luận văn thạc sỹ như sau: Lê Hoài Phương, (2008), *Hoàn thiện lập kế hoạch kiểm toán*

trong kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán chi nhánh Hà Nội, Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội. Tào Thị Mai Lan, (2008), *Hoàn thiện lập kế hoạch kiểm toán BCTC dự án do công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán AASC thực hiện*, Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

Tại công ty Deloitte Việt Nam, tác giả cũng tìm thấy những nghiên cứu về đề tài lập kế hoạch kiểm toán BCTC có liên quan như sau: Đinh Anh Nam, (2004), *Hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam*, Đại học kinh tế, TP Hồ Chí Minh, (2007), Nguyễn Thị Hằng, *Hoàn thiện công tác đánh giá mức trọng yếu và rủi ro kiểm toán trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam*, Đại học Văn Hiến, TP. Hồ Chí Minh.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

a. Đối tượng nghiên cứu của đề tài:

Luận văn nghiên cứu công tác lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

b. Phạm vi nghiên cứu:

Trong phạm vi đề tài này, tác giả đi sâu để xem xét việc lập kế hoạch kiểm toán BCTC của công ty TNHH Deloitte Việt Nam tại chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng trong quá trình thực hiện đề tài. Các phương pháp cụ thể được sử dụng để tìm hiểu thực trạng công tác lập kế hoạch kiểm toán tại công ty Deloitte bao gồm: phỏng vấn những người có liên quan và nghiên cứu hồ sơ kiểm toán.

6. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và phân tích thực trạng lập kế hoạch kiểm toán do công ty Deloitte Việt Nam- chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, luận văn đưa ra các phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty Deloitte Việt Nam.

7. KẾT CẤU CỦA LUẬN VĂN

Chương 1: Lý luận chung về lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính.

Chương 2: Thực trạng công tác lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BCTC VÀ VAI TRÒ CỦA GIAI ĐOẠN LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BCTC

1.1.1. Quy trình kiểm toán BCTC

Quy trình kiểm toán BCTC bao gồm ba giai đoạn chính là giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, giai đoạn thực hiện kiểm toán và giai đoạn kết thúc kiểm toán.

1.1.1.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC

Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán bao gồm: giai đoạn tiền kế hoạch là quá trình KTV tiếp cận khách hàng để thu thập những thông tin cần thiết nhằm giúp cho KTV hiểu về các nhu cầu của họ, đánh giá khả năng phục vụ khách hàng và giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán bao gồm việc thu thập thông tin về đặc điểm hoạt động kinh

doanh, tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ, xác định mức trọng yếu... để lập kế hoạch kiểm toán và chương trình kiểm toán với mục đích nâng cao tính hữu hiệu và hiệu quả chung của cuộc kiểm toán.

1.1.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán, KTV phải thu thập những bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm làm cơ sở cho ý kiến nhận xét của KTV bằng việc thực hiện các thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản.

1.1.1.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán

Trong giai đoạn này, KTV phải rà soát và tổng hợp lại những bằng chứng đã thu thập để hình thành ý kiến nhận xét về BCTC và phát hành loại báo cáo kiểm toán tương ứng

1.1.2. Vai trò của việc lập kế hoạch kiểm toán

- Kế hoạch kiểm toán giúp KTV thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và có giá trị làm cơ sở để đưa ra các ý kiến xác đáng về BCTC.

- Kế hoạch kiểm toán thích hợp là căn cứ để công ty kiểm toán tránh xảy ra những bất đồng đối với khách hàng.

- KTV có thể kiểm soát và đánh giá chất lượng công việc kiểm toán thông qua kế hoạch kiểm toán.

1.2. TRÌNH TỰ LẬP KẾ HOẠCH VÀ THIẾT KẾ CÁC PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN

1.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát:

1.2.1.1. Chuẩn bị cho kế hoạch kiểm toán

KTV phải thực hiện các bước công việc: Đánh giá khả năng chấp nhận khách hàng mới và tiếp tục khách hàng cũ, nhận diện các lý do kiểm toán của đơn vị khách hàng, lựa chọn đội ngũ nhân viên thực hiện kiểm toán, lập hợp đồng kiểm toán.

1.2.1.2. Thu thập thông tin cơ sở

Trong giai đoạn này, KTV phải tiến hành tìm hiểu ngành nghề kinh doanh của khách hàng, xem xét lại kết quả kiểm toán trước và hồ sơ kiểm toán chung, tham quan nhà xưởng, nhận diện các bên liên quan, dự kiến nhu cầu chuyên gia bên ngoài.

1.2.1.3. Thu thập thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng:

KTV phải tiến hành thu thập giấy phép thành lập và điều lệ công ty, biên bản các cuộc họp cổ đông, hội đồng quản trị và ban giám đốc, các hợp đồng và cam kết quan trọng, các BCTC, BCKT, thanh tra hay kiểm tra của năm hiện hành hoặc trong vài năm trước.

1.2.1.4. Thực hiện các thủ tục phân tích

Việc sử dụng thủ tục phân tích trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC nhằm giúp KTV hiểu biết về công việc kinh doanh khách hàng, xác định các vấn đề nghi vấn về khả năng hoạt động liên tục của khách hàng, đánh giá sự hiện diện các sai số có thể có trên BCTC doanh nghiệp và nhằm giảm bớt các khảo sát chi tiết. Các thủ tục phân tích bao gồm phân tích xu hướng và phân tích tỉ suất.

1.2.1.5. Đánh giá tính trọng yếu và rủi ro kiểm toán

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV phải đánh giá mức độ trọng yếu để ước tính mức độ sai sót của BCTC có thể chấp nhận được trên cơ sở xác định phạm vi của cuộc kiểm toán, xác định nội dung và trình tự thực hiện các thử nghiệm kiểm toán bằng việc ước lượng ban đầu về mức trọng yếu và phân bổ ước lượng ban đầu cho các khoản mục.

Bên cạnh đó, KTV cần đánh giá ba loại rủi ro: rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện. Rủi ro kiểm soát tỉ lệ thuận với số lượng bằng chứng cần thu thập và tỉ lệ nghịch với rủi ro phát hiện. Mức trọng yếu càng cao và rủi ro kiểm toán càng thấp và ngược lại.

1.2.1.6. Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng và đánh giá rủi ro kiểm soát

CMKT quốc tế 400 (ISA 400), quy định về đánh giá rủi ro KSNB, “*KTV phải có đủ hiểu biết về hệ thống KSNB và hệ thống kế toán có ảnh hưởng đến cơ sở dẫn liệu cho việc lập BCTC*”. Việc đánh giá HTKSNB bao gồm các yếu tố môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông và giám sát. KTV phải đánh giá HTKSNB và rủi ro kiểm soát không chỉ để xác minh tính hữu hiệu của KSNB mà còn để xác định phạm vi thực hiện các thử nghiệm cơ bản trên các số dư của đơn vị.

1.2.2. Thiết kế chương trình kiểm toán

Chương trình kiểm toán được thiết kế thành 3 phần: khảo sát nghiệp vụ, các thủ tục phân tích và khảo sát chi tiết số dư. Mục tiêu kiểm toán bao gồm: Sự tồn tại và phát sinh, quyền lợi và nghĩa vụ, sự ghi chép đầy đủ, sự đánh giá, sự ghi chép chính xác, trình bày và khai báo. Trên cơ sở các mục tiêu kiểm toán tổng quát, khi thiết kế chương trình kiểm toán cho từng khoản mục, KTV sẽ xác định những mục tiêu kiểm toán riêng biệt và đề ra những thủ tục kiểm toán cần thiết cho khoản mục liên quan.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày một cách khái quát những kiến thức cơ bản về kiểm toán nói chung và giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán nói riêng bằng việc trình bày những khái niệm cơ bản về các bước lập kế hoạch kiểm toán, nêu được vai trò của công tác lập kế hoạch kiểm toán. Bên cạnh đó, chương 1 cũng hệ thống hóa các bước trong giai đoạn lập kế hoạch theo quy định của các chuẩn mực kiểm toán đã ban hành. Trên đây là cơ sở lý luận về giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC. Chương 2 sẽ trình bày thực tế công tác lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam- chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

CHƯƠNG 2

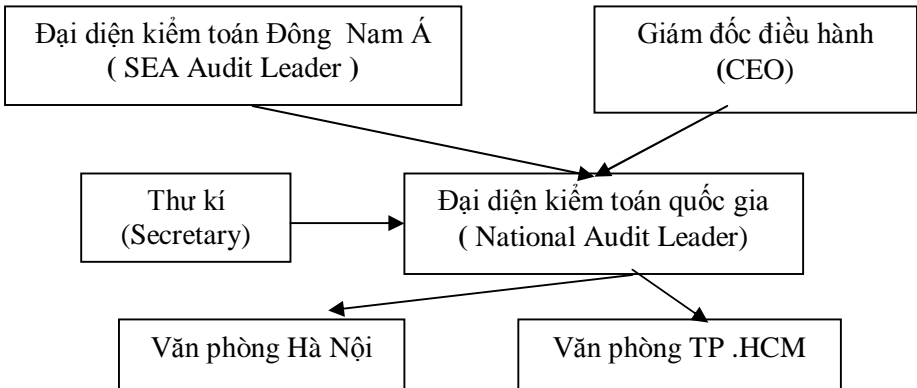
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) được thành lập năm 1991 theo Quyết định số 165TC/QĐ/TCCB ngày 13 tháng 5 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 7/5/2007, Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) đã hoàn thành việc chuyển đổi sở hữu và trở thành thành viên của Deloitte Southeast Asia - một trong bốn hãng kiểm toán lớn nhất thế giới.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức



2.1.3. Phương hướng và mục tiêu hoạt động

Phương hướng của công ty Deloitte Việt Nam là luôn hoạt động theo nguyên tắc độc lập về mọi mặt, khách quan và tuyệt đối bảo mật, Deloitte luôn đặt chất lượng dịch vụ, hiệu quả tài chính và uy tín nghề nghiệp lên hàng đầu.

2.1.4. Những dịch vụ cung cấp

Bao gồm dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn và giải pháp doanh nghiệp, dịch vụ đào tạo và quản lý nhân lực.

Việc thực hiện quy trình kiểm toán BCTC nói chung và quy trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC nói riêng tại công ty Deloitte Việt Nam đã được các chi nhánh kiểm toán áp dụng thống nhất, tuân thủ theo quy trình kiểm toán một cách nghiêm ngặt. Xem xét hồ sơ kiểm toán về quy trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh đã mang tính đại diện cho quy trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty Deloitte Việt Nam. Do điều kiện chủ quan nên tác giả đã thu thập số liệu kiểm toán tại chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để minh họa thực tế phần công tác lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2.2. THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM- CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tác giả đã tiến hành khảo sát công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty Deloitte Việt Nam- chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh trong năm 2010 bằng cách nghiên cứu hồ sơ kiểm toán của các doanh nghiệp. Cách phân loại khách hàng để kiểm toán tại Deloitte chủ yếu dựa trên quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, hồ sơ kiểm toán của khách hàng được phân thành ba gói: quy mô hoạt động nhỏ, trung bình và lớn.

Căn cứ vào gói dữ liệu kiểm toán theo quy định tại công ty Deloitte, tác giả chọn ngẫu nhiên ở mỗi loại quy mô hoạt động doanh nghiệp năm bộ hồ sơ và tiến hành nghiên cứu, xem xét kết hợp với quá trình phỏng vấn các KTV đã thực hiện kiểm toán các khách hàng

này và đưa ra những nhận xét về thực tế công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại Deloitte như sau:

- Tất cả các hồ sơ kiểm toán tại Deloitte đều rất chú trọng đến phần lập kế hoạch kiểm toán BCTC.

- Tất cả các bước công việc trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC đều được thực hiện đầy đủ, chi tiết theo như quy trình kiểm toán mà Deloitte đã đề ra.

2.2.1. Các công việc thực hiện trước khi lập kế hoạch kiểm toán:

2.2.1.1. Đánh giá kiểm soát và xử lý rủi ro cuộc kiểm toán

Việc đánh giá rủi ro kiểm toán tại công ty Deloitte Việt Nam được chia thành ba mức: bình thường, cao hơn bình thường và rất cao. Việc đánh giá dựa trên các nhân tố sau: quan điểm về tính chính trực của ban quản trị, cơ cấu tổ chức, môi trường kinh doanh, bản chất cuộc kiểm toán, kết quả tài chính, những mối liên hệ kinh doanh và các bên liên quan, kinh nghiệm và kiến thức KTV.

Qua nghiên cứu tài liệu hồ sơ kiểm toán năm 2010 của hai khách hàng A và B, công ty A là công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất, phát triển thị trường hạt giống rau và hoa quả cho thị trường trong nước và nước ngoài, nằm ở quy mô nhỏ. Công ty B là công ty liên doanh tại Việt Nam, chuyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất khăn giấy, tã lót trẻ em, băng vệ sinh và các sản phẩm cá nhân khác dành cho phụ nữ, được xếp loại theo quy mô hoạt động lớn. Tại công B không có rủi ro nào có khả năng xảy ra khi chấp nhận kiểm toán. Tuy nhiên ở công ty A, hoạt động kinh doanh đang có chiều hướng giảm dần, lại thêm có sự bất đồng trong nội bộ công ty, điều này dẫn đến nguy cơ về khả năng hoạt động liên tục của công ty (*phụ lục 2: bảng câu hỏi về đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận hợp đồng kiểm toán của công ty A và B*).

2.2.1.2. Lựa chọn nhóm kiểm toán:

Công ty A là khách hàng mới hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thương mại nên các KTV được lựa chọn là những người đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực trên. Còn đối với công ty B là khách hàng thường niên nên chủ nhiệm kiểm toán đã sắp xếp các KTV đã từng tham gia cuộc kiểm toán năm trước với mục đích làm giảm đi thời gian tìm hiểu khách hàng cũng như hoạt động kinh doanh của họ.

2.2.1.3. Thiết lập và ký kết các điều khoản trong hợp đồng kiểm toán:

Đối với mỗi cuộc kiểm toán, công ty kiểm toán nên lập hợp đồng kiểm toán cụ thể trước khi bắt đầu thực hiện công việc kiểm toán để cam kết với khách hàng về mục tiêu và phạm vi tham gia kiểm toán, mức độ trách nhiệm của khách hàng và công ty kiểm toán.

2.2.2. Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát

2.2.2.1. Tìm hiểu hoạt động kinh doanh của khách hàng

Tìm hiểu hoạt động kinh doanh của khách hàng bao gồm tìm hiểu những nhân tố nội bộ và nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến công ty. Tại Deloitte Việt Nam, qua trao đổi với các KTV, tác giả thấy rằng khảo sát thực tế tại đơn vị khách hàng là một trong những biện pháp quan trọng để thu thập bằng chứng kiểm toán. Các thông tin tìm hiểu về tình hình hoạt động của công ty A và B được tóm tắt ở phụ lục 4 và phụ lục 5.

2.2.2.2. Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ ở mức độ bao quát

Theo phương pháp kiểm toán tại Deloitte, ở giai đoạn tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ ở mức độ bao quát, KTV phải đạt được sự hiểu biết về bốn nhân tố sau: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hệ thống thông tin, kiểm tra giám sát. Tác giả đã nghiên cứu hồ sơ kiểm toán của hai công ty A và B và nhận thấy cả hai công ty đều

thực hiện công việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ theo như quy trình kiểm toán mà Deloitte đã đề ra bằng việc tìm hiểu tài liệu khách hàng cung cấp, phỏng vấn trực tiếp ban quản trị kết hợp với quan sát thực tế công tác điều hành hoạt động tại đơn vị khách hàng (*Phụ lục 6: minh họa phần tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty A*).

2.2.2.3. Tìm hiểu các quy trình kế toán được áp dụng

Mục đích của việc tìm hiểu các quy trình kế toán là giúp cho việc xác định và đánh giá đầy đủ các rủi ro liên quan đến sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính. Công ty Deloitte thường thực hiện việc tìm hiểu ở sáu quy trình bao gồm: chi phí, quản lý hàng tồn kho, doanh thu, tiền lương, tài sản cố định, báo cáo tài chính. Ở cả hai hồ sơ kiểm toán của công ty A và B, tác giả thấy rằng phần tìm hiểu sáu quy trình kế toán của hai công ty A và B đều được các KTV tìm hiểu và trình bày rõ ràng. Các rủi ro này sẽ được tác giả trình bày ở phần lập kế hoạch kiểm tra chi tiết đối với từng số dư tài khoản.

2.2.2.4. Tìm hiểu về vấn đề xếp loại sử dụng máy tính

Phương pháp kiểm toán tại Deloitte yêu cầu KTV phải thực hiện việc tìm hiểu về vấn đề xếp loại sử dụng máy tính ở 3 cấp độ “rất nhiều”, “nhiều” hay “ít” để xác định bản chất và phạm vi yêu cầu của việc tìm hiểu quy mô sử dụng máy tính của công ty. Công ty A hoạt động với quy mô nhỏ, sử dụng phần mềm kế toán Soft-T do chính bộ phận công nghệ thông tin của công ty soạn thảo. Phần mềm đơn giản cho việc tổng hợp thông tin và xử lý báo cáo tài chính. Qua trao đổi với kế toán trưởng công ty và trả lời bảng câu hỏi do Deloitte thiết kế sẵn, KTV có thể kết luận xếp loại sử dụng máy tính ở công ty khách hàng “Ít” (xem phụ lục 7: Bảng mẫu xếp loại sử dụng máy tính). Ngược lại công ty B lại hoạt động với quy mô lớn, công ty đã áp dụng hệ thống ERP, chạy trên dữ liệu cốt lõi từ Oracle. Theo đó, tất

cả mọi giao dịch được xử lý tại công ty con và được chuyển trực tiếp vào máy chủ của công ty mẹ đặt tại Nhật Bản. Qua trao đổi với các chuyên gia máy tính tại công ty B, KTV đã xếp loại sử dụng máy tính rất quan trọng.

2.2.2.5. Thực hiện các thủ tục phân tích tổng quát

Quá trình thực hiện thủ tục phân tích tổng quát phải thực hiện được ba bước sau: thu thập thông tin, so sánh số liệu giữa các năm, rút ra nhận xét về số liệu trên báo cáo tài chính, xem xét những số dư tài khoản bất thường để từ đó xác định rủi ro trong các số dư tài khoản. Thực hiện thủ tục phân tích bằng cách so sánh các số liệu của ngày 31/12/2009 với 31/10/2010, tác giả nhận thấy kết quả hoạt động kinh doanh của công ty A đang có dấu hiệu đi xuống, thể hiện qua tài sản doanh thu, hàng tồn kho....giảm sút. Đối với công ty B, qua xem xét bảng cân đối kế toán và bảng kết quả hoạt động kinh doanh (xem phụ lục 10 và 11), tác giả nhận thấy rằng doanh thu năm 2010 tăng hơn do công ty đang mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, tăng sản lượng xuất khẩu cũng như tập trung cao độ vào hoạt động tiếp thị quảng cáo sản phẩm. Điều này dẫn đến chi phí cho hoạt động này tăng lên. Doanh thu tăng dẫn đến giá vốn cũng tăng.

2.2.2.6. Xác lập mức trọng yếu

Qua nghiên cứu phương pháp kiểm toán tại Deloitte, bước công việc này đòi hỏi KTV phải xác lập được mức trọng yếu, từ đó suy ra được giá trị trọng yếu chi tiết và sai sót ước tính cho từng số dư tài khoản. Giá trị trọng yếu chi tiết là giá trị được tính toán dựa vào mức trọng yếu nhưng thường nhỏ hơn mức trọng yếu đã được xác định (thường bằng 80% đến 90% mức trọng yếu). Việc xác định giá trị trọng yếu chi tiết này là cơ sở để KTV chọn mẫu kiểm tra đối với từng số dư tài khoản. Tổng sai sót không được điều chỉnh là khoảng

chênh lệch từ 10% đến 20% PM, là tổng giá trị sai sót xác định và ước tính mà KTV ước đoán sẽ không được điều chỉnh trên toàn bộ tổng thể sai sót xác định và ước tính cuối cuộc kiểm toán. Tại Deloitte, mức sai sót có thể chấp nhận khi kiểm tra chi tiết không được vượt quá 5% PM.

2.2.3. Lập kế hoạch kiểm toán cụ thể

Căn cứ vào mô hình độ tin cậy kiểm toán, KTV sẽ xác định được độ tin cậy mặc định, độ tin cậy kiểm soát dựa trên các rủi ro để từ đó có cơ sở xác định được độ tin cậy khi kiểm tra chi tiết để suy ra số mẫu cần lựa chọn cho từng số dư tài khoản cần kiểm tra.

2.2.3.1. Lập kế hoạch kiểm tra rủi ro chi tiết có liên quan đến số dư tài khoản và sai sót tiềm tàng

Tại công ty A, xem xét tất cả các kế hoạch kiểm tra chi tiết đối với từng số dư tài khoản tại công ty, tác giả nhận thấy các rủi ro có thể xảy ra như sau:

- Doanh thu ghi nhận trong kỳ là số tiền thực sau chiết khấu trong khi đó tài khoản chiết khấu bán hàng chỉ phản ánh phần chiết khấu chi trả bằng tiền trong kỳ. Trong khi đó, phần chiết khấu bổ sung hoặc giảm trừ của quý 4 năm nay so với quý 4 năm trước lại được hạch toán vào tài khoản chi phí bán hàng. Vì thế, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ không phản ánh đúng doanh thu và chiết khấu trong kỳ. Điều này chính là sai sót trong việc trình bày báo cáo tài chính.

- Tài khoản chi phí phải trả được sử dụng để ghi nhận phân điều chỉnh chiết khấu trong năm, lũy kế từ năm này sang năm khác. Điều này dễ dẫn đến sai sót về tính chính xác của tài khoản chi phí phải trả cho phần chiết khấu ghi nhận trong kỳ.

- Doanh thu được ghi nhận ngay khi kế toán phát hành hóa đơn. KTV nhận thấy rằng có thể có một số trường hợp hàng hoá được vận chuyển sau ngày hóa đơn được phát hành. Việc ghi nhận doanh thu theo hóa đơn phát hành của công ty có thể dẫn đến sai sót ghi nhận doanh thu không đúng kỳ.

- Công ty hoạt động với nhiều loại hình hoạt động kinh doanh. Mỗi loại hình hoạt động của công ty chịu mức thuế suất khác nhau theo quy định. Đối với hoạt động sản xuất hoặc giao khoán cho nông dân chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, đối với hoạt động thương mại chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%. KTV cần xem lại việc hạch toán các nghiệp vụ có liên quan có phản ánh đúng kết quả kinh doanh. Điều này thường dẫn đến sai sót ở tính đầy đủ và ghi nhận thấp hơn số thực.

Tại công ty B, xem xét tất cả tài liệu về quá trình lập kế hoạch kiểm tra chi tiết, nhận thấy một số rủi ro sau:

- Việc trích trước chi phí cho quảng cáo và khuyến mãi thường dựa theo dự toán ngân sách, hầu hết các khoản trích trước này không được điều chỉnh vào cuối năm tài chính. Điều này dễ dẫn đến sai sót về việc ghi nhận chi phí vượt số thực tế với mục đích làm giảm số tiền thuế phải nộp.

- Việc ghi nhận hàng tồn kho vào ngày thực nhận hàng mà không căn cứ vào ngày giao hàng theo điều khoản Incoterm dẫn đến sai sót về tính đúng kỳ.

- Sự chênh lệch giữa lượng hàng thực nhận với hóa đơn được kế toán ghi nhận vào tài khoản giá vốn dẫn đến rủi ro về sự ghi chép không chính xác.

2.2.3.2. Lập kế hoạch kiểm tra hệ thống kiểm soát

Tại công ty A, mặc dù KTV kết luận là hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị có hỗ trợ trong việc lập báo cáo tài chính nhưng do quy mô của công ty không lớn nên KTV nhận thấy việc kiểm tra hệ thống kiểm soát để tin cậy vào đó không hiệu quả bằng việc tập trung vào các thủ tục kiểm toán chi tiết. Vì vậy KTV lựa chọn mức tin cậy kiểm soát bằng 0. Ngược lại tại công ty B, các quy trình kế toán đặt ra với các hoạt động kiểm soát đã được thiết kế và thực hiện một cách thích hợp, hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty là đáng tin cậy. Các nghiệp vụ mua bán hàng được giao dịch thường xuyên, liên tục, nếu lựa chọn mẫu để kiểm tra chi tiết thì số lượng mẫu sẽ rất lớn. Do đó, KTV đã thực hiện chiến lược kiểm toán tin cậy vào hệ thống kiểm soát nội bộ, với việc tập trung vào hai tài khoản doanh thu và chi phí.

2.2.3.3. Lập kế hoạch kiểm tra chi tiết

Tại công ty A và B, qua quá trình tìm hiểu hoạt động kinh doanh công ty, KTV nhận thấy không phát hiện sai sót tiềm tàng xảy ra nên kết luận độ tin cậy mặc định = 1. Hơn nữa, qua quá trình lập kế hoạch kiểm tra kiểm soát, KTV chọn mức tin cậy kiểm soát đối với công ty A = 0, công ty B = 1.3. Từ đó, theo bảng độ tin cậy kiểm toán, KTV chọn mức độ tin cậy khi kiểm tra chi tiết đối với công ty A ở mức độ trung bình (=2) và công ty B ở mức độ đại diện (=0.7). Trong giai đoạn này, KTV sẽ xác định các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với rủi ro chi tiết đã được tìm hiểu ở trên. (*xem phụ lục 15: các thủ tục kiểm toán đối với các sai sót tiềm tàng ở các số dư*)

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM- CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

2.3.1. Những mặt tích cực trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam

- Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC đã đáp ứng được về yêu cầu lập kế hoạch kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán nói chung và theo đúng quy trình lập kế hoạch kiểm toán đã được Deloitte xây dựng sẵn nói riêng. Về cơ bản, quy trình lập kế hoạch kiểm toán tại Deloitte được thực hiện với đầy đủ nội dung yêu cầu, trình tự công việc được tiến hành một cách logic.

- Vấn đề đặc biệt trong đánh giá trọng yếu và rủi ro kiểm toán tại Deloitte là việc chỉ sử dụng một giá trị trọng yếu chi tiết trong toàn bộ cuộc kiểm toán đã tiết kiệm được thời gian, chi phí kiểm toán nhưng vẫn đạt hiệu quả cao vì bản chất đó vẫn là mức trọng yếu đã tính đến các sai sót không được điều chỉnh theo ước tính của kiểm toán viên. Việc chỉ sử dụng giá trị trọng yếu chi tiết MP thay cho mức trọng yếu PM và việc tính toán giá trị sai sót không được khách hàng đồng ý điều chỉnh có thể chấp nhận được trên toàn bộ báo cáo tài chính thấp hơn mức chênh lệch giữa giá trị trọng yếu chi tiết MP và mức trọng yếu PM càng nâng cao tính thận trọng trong quá trình kiểm toán của Deloitte cũng như đảm bảo rằng các sai sót phát hiện của KTV phải được điều chỉnh ở mức độ hợp lý, đảm bảo hơn tính trung thực hợp lý của báo cáo tài chính.

- Tổ chức và lưu trữ tài liệu kiểm toán là một vấn đề không đơn giản, đòi hỏi phải có sự bố trí và sắp xếp kế hoạch. Và điều này đã được Deloitte thực hiện hợp lý thông qua hình thức tham chiếu có

chỉ mục từ 1000 đến 8000. Trong đó phần chỉ mục 1000 thể hiện phân lập kế hoạch kiểm toán.

2.3.2. Những mặt hạn chế trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

- Công ty Deloitte Việt Nam ít sử dụng các số liệu thống kê, phân tích của ngành hoặc các doanh nghiệp liên quan để phục vụ cho việc phân tích sơ bộ BCTC, chưa có sự so sánh giữa thực tế của đơn vị với các đơn vị khác cùng ngành có cùng quy mô hoạt động, chủ yếu là phân tích giữa các thông tin tài chính với nhau. Việc phân tích chỉ mới tập trung ở quy mô của biến động chứ chưa quan tâm đến bản chất của biến động đó.

- Trong bước tìm hiểu và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị khách hàng trong giai đoạn lập kế hoạch, các KTV của Deloitte chủ yếu sử dụng kỹ thuật phỏng vấn, quan sát thực tế, xem xét hồ sơ, tài liệu của khách hàng, phỏng vấn nhân viên công ty khách hàng, quan sát quá trình hoạt động của đơn vị khách hàng để tìm hiểu và ghi chép lại thông tin. Khi thái độ trả lời của người được phỏng vấn không trung thực sẽ gây khó khăn cho KTV trong quá trình tìm ra điểm yếu của hệ thống KSNB, từ đó ảnh hưởng đến việc xác định rủi ro kiểm soát. Một khi các KTV đặt niềm tin vào hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng trong khi thực tế không được như mong muốn thì việc xác định rủi ro sẽ không chính xác, từ đó các thủ tục kiểm toán được thiết kế sẽ không phù hợp, ảnh hưởng đến hiệu quả cuộc kiểm toán.

- Việc áp dụng mô hình kiểm toán theo hướng đảm bảo như hiện nay gây ra sự lãng phí về thời gian kiểm toán, nhân lực bởi vì ngay cả những tài khoản không trọng yếu đối với báo cáo tài chính, KTV

cũng phải thực hiện các thủ tục soát xét nhằm đạt được mức đảm bảo theo yêu cầu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã giới thiệu một cách tổng quát về công ty TNHH Deloitte Việt Nam cũng như quy trình lập kế hoạch kiểm toán tại công ty với số liệu kiểm toán thu thập tại chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh. Quá trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC sẽ giúp KTV nhận thấy được rủi ro nằm ở các số dư tài khoản, các khoản mục để khi đi vào giai đoạn thực hiện kiểm toán, KTV sẽ dựa trên việc đánh giá rủi ro ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán để tập trung thời gian và nhân lực kiểm toán nhiều hơn ở những khoản mục được đánh giá có nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, quá trình nghiên cứu thực trạng công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC, tác giả chỉ ra được những ưu khuyết điểm của công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty Deloitte Việt Nam. Đây là cơ sở để tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại công ty Deloitte Việt Nam- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh ở chương 3

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY DELOITTE VIỆT NAM- CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY DELOITTE VIỆT NAM- CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chất lượng cuộc kiểm toán trong thời kỳ phát triển kinh tế của các công ty kiểm toán đang ngày một đòi hỏi cao. Để có được một cuộc kiểm toán hữu hiệu và hiệu quả thì cần thiết phải lập kế hoạch

kiểm toán. Việc từng bước hoàn thiện giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC vì vậy là một vấn đề tất yếu được đặt ra trong thực tiễn hoạt động kiểm toán của nước ta cũng như trong việc nghiên cứu tìm tòi và vận dụng các lý thuyết kiểm toán của nước ngoài vào Việt Nam.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BCTC TẠI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM- CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.2.1. Về vấn đề hoàn thiện thủ tục phân tích sơ bộ báo cáo tài chính

Để hoàn thiện hơn nữa việc phân tích sơ bộ thông tin trên BCTC, trước hết Deloitte nên xây dựng một quy trình phân tích đầy đủ từ xác định mục tiêu, thiết kế khảo sát đến phân tích kết quả và đưa ra kết luận. KTV nên tiến hành thực hiện thủ tục phân tích tỉ suất sẽ dễ dàng nhìn thấy được sự biến động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Các KTV trong quá trình thực hiện thủ tục phân tích chỉ quan tâm đến quy mô biến động mà chưa chú ý đến bản chất của biến động đó. Để khắc phục hạn chế đó, KTV có thể vận dụng các cách thức phân tích khác nhau đối với các đối tượng khách hàng. Đối với khách hàng có quy mô nhỏ, KTV có thể tiến hành phân tích số dư các khoản mục, phân tích các tỷ suất tài chính theo từng năm và tìm hiểu nguyên nhân biến động. Đối với khách hàng lớn, ngoài việc so sánh số liệu năm kiểm toán với số liệu năm trước, KTV nên kết hợp với việc phân tích sự biến động của chúng qua từng quãng thời gian ngắn hơn (như tháng hoặc quý). Ngoài ra, trong quá trình phân tích, công ty nên bổ sung việc thu thập và sử dụng thông tin trong phân tích bằng cách mở rộng tìm hiểu các thông tin nội bộ ngành cũng

nhu các ngành có liên quan nhằm giúp KTV hiểu biết sâu hơn về hoạt động khách hàng, nhận biết dấu hiệu về khả năng rủi ro, khả năng thất bại...

3.2.2. Về vấn đề sử dụng lưu đồ trong mô tả hệ thống KSNB

Sử dụng lưu đồ đặc biệt hữu ích đối với khách hàng là công ty lớn bởi vì bởi tính chất hoạt động phức tạp thì việc đi sâu vào phỏng vấn sẽ không thể hiện được hết mọi vấn đề. Sử dụng lưu đồ trong KSNB sẽ giúp KTV mô tả đầy đủ về các thủ tục kiểm soát áp dụng đối với các hoạt động trong công ty. Các KTV cần phải nắm vững được nội dung của các ký hiệu và có những quy định thống nhất về các hình ảnh và ký hiệu để người khác có thể hiểu được nội dung được trình bày. Lưu đồ vẽ được sẽ giúp KTV có thể nhìn thấy rõ ràng hệ thống KSNB của khách hàng, giúp KTV có thể nhìn vào lưu đồ mà nhận thấy được các rủi ro kiểm soát.

3.2.3. Về giải pháp đổi mới phương pháp kiểm toán

3.2.3.1. Lý do chuyển đổi mô hình kiểm toán:

Hiện nay, công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam đã và đang áp dụng mô hình kiểm toán theo hướng đảm bảo gây ra sự lãng phí về thời gian kiểm toán, nhân lực bởi vì ngay cả những tài khoản không trọng yếu đối với BCTC, KTV cũng phải thực hiện các thủ tục soát xét nhằm đạt được mức đảm bảo theo yêu cầu. Do đó, công ty Deloitte Việt Nam nên có sự thay đổi mô hình kiểm toán đảm bảo sang mô hình kiểm toán tập trung vào rủi ro để đảm bảo phản ánh thay đổi trong các chuẩn mực kiểm toán quốc tế do Ủy ban các chuẩn mực kiểm toán quốc tế ban hành, và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 2009 trở về sau.

3.2.3.2. Mục tiêu của việc chuyển đổi phương pháp kiểm toán

Mục tiêu cốt lõi của việc áp dụng phương pháp kiểm toán mới là nhằm hướng đến chất lượng kiểm toán cao hơn, bằng cách tập trung nhiều hơn vào những yếu tố có rủi ro cao nhất, giảm thiểu công việc kiểm toán trên những yếu tố ít rủi ro. Việc xác định rủi ro không chỉ bao gồm các rủi ro đáng kể mà cả các rủi ro về sai sót trọng yếu có thể xảy ra. KTV sẽ thực hiện các thủ tục kiểm toán ở những yếu tố của báo cáo tài chính có rủi ro về sai sót trọng yếu chứ không tìm kiếm sự bảo đảm cho tính xác thực của tất cả các tài khoản.

3.2.3.3. Cách thức thực hiện kiểm toán theo phương pháp kiểm toán mới ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC

Để minh họa cụ thể cho phần đổi mới phương pháp kiểm toán, trong đó có những đổi mới ở phương pháp lập kế hoạch kiểm toán tại công ty Deloitte Việt Nam, tác giả vẫn sử dụng báo cáo tài chính của công ty A vào năm 2010 để chỉ ra những điểm đổi mới hơn trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán so với phương pháp cũ.

Phần xác lập mức trọng yếu ở phương pháp mới đã có sự thay đổi lớn. Việc xác lập mức trọng yếu không còn áp dụng theo bảng hướng dẫn đánh giá mức trọng yếu theo doanh thu mà dựa trên sự xét đoán nghề nghiệp đối với mỗi công ty mà chủ nhiệm kiểm toán sẽ quyết định áp dụng mức trọng yếu theo tỉ lệ phần trăm với doanh thu. Cụ thể tại công ty A, chủ nhiệm kiểm toán có thể quyết định mức trọng yếu bằng 3% doanh thu vì nếu lấy giá trị trọng yếu/Doanh thu của năm 2010 của công ty A vẫn tương đương 3% (154000USD/6.250.082 USD)

Trong phần tìm hiểu về doanh nghiệp môi trường hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, tìm hiểu về việc lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán của doanh nghiệp, tìm hiểu quy trình các giao dịch được thực hiện đòi hỏi sự

tham gia nhiều hơn của chủ nhiệm kiểm toán. Cụ thể tại công ty Deloitte Việt Nam- chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, chủ nhiệm kiểm toán là ông Trần Đình Nghi Hạ phải tham gia trong suốt quá trình lập kế hoạch tại công ty A trong việc thiết lập thời gian, phạm vi và trực tiếp chỉ đạo quá trình lập kế hoạch kiểm toán. Ông ấy chịu trách nhiệm trong cuộc thảo luận với nhóm kiểm toán để xác định những rủi ro do gian lận, rủi ro từ các giao dịch có liên quan trong công ty. Vì sự khác biệt lớn nhất của phương pháp kiểm toán mới này là tập trung vào rủi ro thay vì việc đảm bảo cho tất cả các số dư tài khoản đều trung thực, hợp lý nên KTV phải xác định tất cả các rủi ro có ảnh hưởng đến toàn bộ báo cáo tài chính và ảnh hưởng đến từng khoản mục trên BCTC, rồi tiến hành phân loại rủi ro đó có đáng kể hay không. Đối với những rủi ro được coi là đáng kể, KTV tiến hành xem xét hoạt động kiểm soát đối với các rủi ro đó được công ty thực hiện như thế nào? Còn trong phương pháp cũ, KTV vẫn phải xác định các rủi ro liên quan đến toàn bộ BCTC và rủi ro liên quan đến từng khoản mục nhưng việc xác định đó chỉ nằm ở một số ít rủi ro đáng kể để KTV tập trung sâu hơn ở những tài khoản mà có những rủi ro đáng kể đó trong giai đoạn thực hiện kiểm toán. Một điểm khác biệt lớn nữa giữa phương pháp cũ và phương pháp mới là đó việc xác định các thủ tục kiểm toán chi tiết cho các rủi ro. Theo phương pháp cũ, các thủ tục kiểm toán đã được thiết lập sẵn cho từng khoản mục, tài khoản và KTV chỉ lựa chọn những thủ tục kiểm toán phù hợp cho doanh nghiệp. Còn ở phương pháp mới, KTV phải tự thiết kế các thủ tục kiểm toán để phù hợp với từng loại rủi ro ở doanh nghiệp.

Việc xác định được quy mô chọn mẫu kiểm tra chi tiết trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán sẽ là cơ sở để KTV xác định được số mẫu cần chọn để kiểm tra chi tiết đối với từng số dư tài khoản. Số cỡ

mẫu trong phương pháp mới này dựa vào rủi ro đó được phân loại là đáng kể hay không và việc có tin cậy vào hệ thống kiểm soát nội bộ hay không? Trong khi đó ở phương pháp cũ, cỡ mẫu được xác định dựa vào việc xác định rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và suy ra rủi ro khi kiểm tra chi tiết (*Phụ lục 18: Bảng cỡ mẫu theo phương pháp kiểm toán mới*)

Về vấn đề xếp loại sử dụng máy tính, nếu trong phương pháp cũ, KTV chỉ việc tìm hiểu hệ thống máy tính của khách hàng kiểm toán thì trong phương pháp này đòi hỏi phải có sự thảo luận giữa chủ nhiệm kiểm toán với các KTV để xác định có cần có sự tham gia của chuyên gia máy tính hay không? Cụ thể tại công ty A, chủ nhiệm kiểm toán và KTV phải có sự thảo luận về hệ thống máy tính tại công ty bao gồm việc trả lời các câu hỏi:

- Sự phức tạp của hệ thống công nghệ thông tin của công ty A và cách mà công ty sử dụng trong hoạt động kinh doanh: *Hệ thống phần mềm Soft-T do nhân viên trong công ty biên soạn năm 2004 và được cập nhật cho phù hợp với chính sách công ty. Công ty không có hệ thống ứng dụng nào khác ngoại trừ hệ thống phụ quản trị kết nối với phần mềm.*

- Tầm quan trọng của những thay đổi trong hệ thống: *Không có sự thay đổi nào trong hệ thống cũng thực hiện hệ thống mới.*

- Phạm vi dữ liệu chia sẻ giữa các hệ thống: *Hệ thống quản trị phụ được sử dụng cho mục đích quản trị.*

- Tầm quan trọng của chứng cứ kiểm toán dưới dạng điện tử: *Như đã đề cập ở trên, công ty sử dụng phần mềm tự biên soạn để ghi nhận các bút toán hàng ngày. Hệ thống phần mềm không hề phức tạp.*

Dựa vào những nội dung thảo luận, chủ nhiệm kiểm toán có thể đưa ra kết luận đối với hệ thống máy tính tại công ty A không cần

thiết có sự tham gia của chuyên gia máy tính. Như vậy, ở phương pháp mới, KTV không cần phải trả lời bằng câu hỏi như phần phụ lục 7 minh họa vì bảng câu hỏi này thực tế không phù hợp với tình hình sử dụng máy tính ở các doanh nghiệp tại Việt Nam. Ngược lại, phương pháp mới chỉ yêu cầu KTV thảo luận để xem xét việc cần thiết nhờ đến sự giúp đỡ của chuyên gia máy tính vì đối với những hệ thống máy tính phức tạp tiềm ẩn rất nhiều rủi ro ảnh hưởng đến việc ghi chép số liệu tại công ty.

KẾT LUẬN

Trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng cao. Sự cạnh tranh bằng chất lượng đặt ra những yêu cầu và thách thức đối với các công ty kiểm toán không những phải tuân thủ theo đúng chuẩn mực kiểm toán mà còn phải tự thiết kế những phương pháp kiểm toán đạt được hiệu quả công việc cao hơn. Lập kế hoạch kiểm toán là bước đầu tiên nhưng lại có một vai trò hết sức quan trọng trong một cuộc kiểm toán, góp phần tiết kiệm chi phí cho cuộc kiểm toán và nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán.

Qua quá trình nghiên cứu lý luận lập KHKT và nghiên cứu thực tế quá trình lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH Deloitte Việt Nam- chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về lập kế hoạch kiểm toán BCTC, tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng lập KHKT tại công ty Deloitte Việt Nam, đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa việc lập kế hoạch kiểm toán BCTC. Với những giải pháp đã đề xuất, tác giả tin rằng sẽ mang lại hiệu quả cao hơn cho cuộc kiểm toán, góp phần ngày càng nâng cao chất lượng của cuộc kiểm toán hơn nữa.